

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ II NĂM 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 01a-DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		261.786.812.906	384.771.405.218
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	1.650.367.618	141.211.182.496
1. Tiền	111		1.650.367.618	12.299.503.892
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	128.911.678.604
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.809.894.251	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		4.809.894.251	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.026.137.030	148.308.327.254
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	113.313.486.750	103.136.761.833
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	31.686.206.686	29.050.075.380
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	-	-
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	8.188.893.434	17.283.939.881
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.9	(1.162.449.840)	(1.162.449.840)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	103.300.414.007	94.298.743.268
1. Hàng tồn kho	141		103.300.414.007	94.298.743.268
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	953.152.200
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	-	953.152.200
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		392.557.802.876	193.801.710.634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		320.288.791	320.288.791
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	320.288.791	320.288.791
II. Tài sản cố định	220		77.374.675.610	43.889.295.684
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	77.374.675.610	43.889.295.684
- Nguyên giá	222		131.263.047.520	94.333.481.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(53.888.371.910)	(50.444.185.412)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	18.140.103.068	33.442.982.546
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		18.140.103.068	33.442.982.546
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	292.278.363.618	111.983.463.618
1. Đầu tư vào công ty con	251		253.674.900.000	73.380.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		39.000.000.000	39.000.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(396.536.382)	(396.536.382)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.444.371.789	4.165.679.995
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	4.444.371.789	4.165.679.995
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		654.344.615.782	578.573.115.852

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a-DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

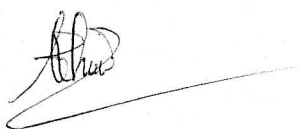
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		381.008.921.137	318.109.324.492
I. Nợ ngắn hạn	310		378.086.921.137	314.438.324.492
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	50.375.524.792	65.852.761.568
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	184.632.949.009	196.566.156.904
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	12.882.793.645	9.753.087.020
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	42.461.125.600	38.160.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		90.909.091	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	3.356.319.000	3.356.319.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	84.287.300.000	750.000.000
II. Nợ dài hạn	330		2.922.000.000	3.671.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	2.922.000.000	2.922.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	-	749.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		273.335.694.645	260.463.791.360
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	273.335.694.645	260.463.791.360
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		220.000.000.000	220.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		220.000.000.000	220.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		53.335.694.645	40.463.791.360
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		40.463.791.360	12.532.138.143
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.871.903.285	27.931.653.217
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		654.344.615.782	578.573.115.852

Hà Nam, ngày 30 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT





Đinh Thị Phương Thảo

Nguyễn Mạnh Tuyên

Nguyễn Huy Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2019

Mẫu số B 02a-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm Nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	71.225.238.771	172.201.800.675	93.693.164.866	258.268.428.924
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		71.225.238.771	172.201.800.675	93.693.164.866	258.268.428.924
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	59.662.964.757	150.083.767.611	77.650.976.881	227.530.320.041
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.562.274.014	22.118.033.064	16.042.187.985	30.738.108.883
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.033.459.255	397.486.627	4.772.249.407	894.474.446
7. Chi phí tài chính	22	6.5	61.067.000	264.766.556	110.870.000	340.254.035
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		61.067.000	264.766.556	110.870.000	340.254.035
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	3.588.743.273	7.850.212.435	5.809.518.780	10.630.148.754
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		11.945.922.997	14.400.540.700	14.894.048.613	20.662.180.540
11. Thu nhập khác	31	6.6	645.848.470	95.848.594	645.848.470	502.038.546
12. Chi phí khác	32	6.7	-	-	50.000.000	87.379.463
13. Lợi nhuận khác	40		645.848.470	95.848.594	595.848.470	414.659.083
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.591.771.467	14.496.389.294	15.489.897.083	21.076.839.623
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	2.028.368.675	2.899.277.859	2.617.993.798	4.239.689.990
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		10.563.402.792	11.597.111.435	12.871.903.285	16.837.149.633
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

NGƯỜI LẬP

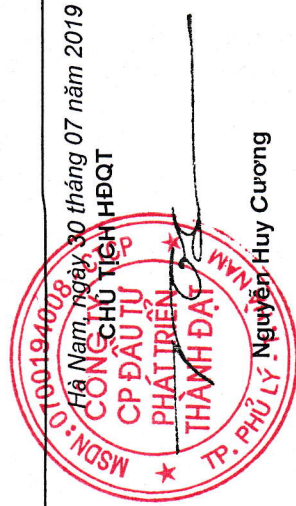
Đinh Thị Phương Thảo

Đinh Thị Phương Thảo

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Tuyên

Nguyễn Mạnh Tuyên



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Quý 2 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		15.489.897.083	21.076.839.623
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		6.339.853.150	7.269.590.067
- Các khoản dự phòng	03		-	(194.182.500)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.418.097.877)	(894.474.446)
- Chi phí lãi vay	06		110.870.000	340.254.035
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.522.522.356	27.598.026.779
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.717.809.776)	18.818.563.352
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.001.670.739)	58.862.189.281
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(22.397.606.244)	(43.412.820.011)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		674.460.406	(1.002.047.580)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(110.870.000)	(340.254.035)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(200.000.000)	(2.545.963.151)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.230.973.997)	57.977.694.635
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.694.686.946)	(3.763.969.686)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		909.090.909	1.094.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(6.309.894.251)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.500.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(180.294.900.000)	(41.632.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.772.249.407	408.789.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(204.118.140.881)	(43.893.180.036)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

Mẫu số B 03-DN

Theo phương pháp gián tiếp

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu				
2. mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		110.039.000.000	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(27.250.700.000)	(7.419.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		82.788.300.000	(7.419.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(139.560.814.878)	6.665.514.599
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		141.211.182.496	85.877.561.267
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		1.650.367.618	92.543.075.866

Hà Nam, ngày 30 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Đinh Thị Phương Thảo

Nguyễn Mạnh Tuyên

Nguyễn Huy Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 07/05/2001 và được chuyển đổi từ công ty TNHH thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 29 tháng 03 năm 2019.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700194008 thay đổi lần thứ 17 cấp ngày 29 tháng 03 năm 2019 là 220.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi tỷ đồng chẵn ./.*)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, cung cấp nước sạch và bán bê tông thương phẩm.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng nhà các loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình điện có điện áp từ 35 KV trở xuống, xây lắp và chuyển giao trạm cấp nước sinh hoạt, thi công sàn nhà công nghiệp, thi công phòng chống và xử lý môi, một các công trình xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất các cấu kiện kim loại. *Chi tiết: Sản xuất và dựng lắp khung nhà vì kèo sắt thép các loại;*
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán đồ điện gia dụng, hàng điện tử; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, mua bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và các thiết bị khác dùng trong mạch điện);
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Sản xuất lắp đặt các thiết bị xử lý nước mặt và nước ngầm;
- Vận tải hành khách du lịch, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÊN	ĐỊA CHỈ
Công ty có chi nhánh như sau:	
Công ty Đầu tư Phát triển Thành Đạt - Chi nhánh Duy Tiên	Thôn Dỹ Phó, xã Mộc Bắc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty có công ty con như sau:	
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Thương mại Thành Đạt	Bến xe Phủ Lý, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tỉnh Hà Nam	Khu Công nghiệp Đồng Văn I, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
Công ty có các công ty liên kết như sau:	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam	Khu Công nghiệp Đồng Văn III, thị trấn Đồng Văn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/03/2019 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 03 tháng).

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	19 năm
Máy móc thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	05 năm
Tài sản khác	05 năm

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí cấp quyền khai thác mỏ và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính,

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí thi công. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.10. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.11. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

4.13. Nguyên tắc kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

- Thuế suất thuế GTGT đối với hợp đồng xây dựng, bê tông thương phẩm: 10%;
- Thuế suất thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp nước sạch: 5%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B09A-DN

Kỳ kế toán kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2019

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

4.15. Bù trừ các công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ số 8.6.

4.17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: Sản xuất kinh doanh bê tông thương phẩm, hoạt động xây lắp...

Khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/03/2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại tỉnh Hà Nam nên công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Quý 2 năm 2019

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền mặt	1.128.365.807	4.667.556.611
Tiền gửi ngân hàng	522.001.811	7.631.947.281
Các khoản tương đương tiền (*)	-	128.911.678.604
Cộng	1.650.367.618	141.211.182.496

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2019	01/01/2019
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	113.313.486.750	103.136.761.833
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	42.120.352.700	34.026.352.700
- Ban QLDA Thanh Liêm - Cụm CN Kien Khê Giai đoạn I	21.000.000.000	21.000.000.000
- Công ty CP Xi măng Vicem Bút Sơn - Bến mới số 4 Cảng Bút Sơn	8.626.352.700	13.026.352.700
- Ban QLDA XD TP Phủ Lý- SN, HTKT Cụm Kien Khê I (SN Tôn Hoa S	12.494.000.000	-
Phải thu khách hàng khác	71.193.134.050	69.110.409.133
Cộng	113.313.486.750	103.136.761.833
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan		

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2019	01/01/2019
- Công ty TNHH VTXD & TM Trường Giang Hà Nam	5.425.680.000	2.425.680.000
- Công ty TNHH MTV Hồ Gươm Hà Nam	2.415.982.260	2.301.639.500
- Công ty TNHH Phương Lâm	4.685.490.518	4.715.190.518
- Các công ty khác	19.159.053.908	19.607.565.362
Cộng	31.686.206.686	29.050.075.380

5.4 Phải thu khác

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	8.188.893.434	-	17.283.939.881	-
- Phải thu khác	8.188.893.434	-	3.888.789.881	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-	13.395.150.000	-
b) Dài hạn	320.288.791	-	320.288.791	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	320.288.791	-	320.288.791	-

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	5.771.885.398	-	2.383.013.470	-
Chi phí SXKD dở dang	97.086.781.904	-	91.894.741.421	-
Thành phẩm nhập kho	441.746.705	-	20.988.377	-
Cộng	103.300.414.007	-	94.298.743.268	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Quý 2 năm 2019

Đơn vị tính: VND

5.7 Chi phí trả trước

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
a) Ngắn hạn	-	953.152.200
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	-	953.152.200
b) Dài hạn	4.444.371.789	4.165.679.995
- Chi phí trả trước dài hạn khác	4.444.371.789	4.165.679.995
Cộng	<u>4.444.371.789</u>	<u>5.118.832.195</u>

5.8 Tài sản dở dang dài hạn**a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****b) Xây dựng cơ bản dở dang**

- Xây dựng cơ bản

Cộng

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	18.140.103.068	33.442.982.546
Cộng	<u>18.140.103.068</u>	<u>33.442.982.546</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý 2 năm 2019

Mẫu số B 09a-DN

5.9 . NỢ XẤU

Đơn vị tính : VND

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
	1.162.449.840	-	(1.162.449.840)	1.162.449.840
- Các khoản phải thu ngắn hạn				(1.162.449.840)
+ Ban GPMB BTHT và TĐC - Tái định cư khu vườn tổng xã Liêm Cần	5.931.500	-	(5.931.500)	5.931.500
+ Công ty CP Tasco Trường Phát	200.001.840	-	(200.001.840)	200.001.840
+ Công ty CP Xây dựng Thương mại Hà An	174.182.500	-	(174.182.500)	174.182.500
+ Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Lam Phương	512.020.000	-	(512.020.000)	512.020.000
+ Trường THPT Phủ Lý B	103.454.000	-	(103.454.000)	103.454.000
+ UBND thị trấn Kiện Khê	41.676.000	-	(41.676.000)	41.676.000
+ Viện KSNĐ tỉnh Hà Nam	125.184.000	-	(125.184.000)	125.184.000
Cộng	1.162.449.840	-	(1.162.449.840)	1.162.449.840
				(1.162.449.840)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý 2 năm 2019

5.10 Các khoản đầu tư tài chính

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính : VND

01/01/2019

30/06/2019

(VND)

(VND)

	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh						
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	292.674.900.000	(*)	(396.536.382)	112.380.000.000	(*)	
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253.674.900.000	(*)		73.380.000.000		
- Đầu tư vào Công ty con	26.000.000.000	(*)		26.000.000.000	(*)	
+ Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Thương mại Thành Đạt - tỷ lệ sở hữu 100% (i)						
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp Đồng Văn III-tỷ lệ sở hữu 65% (ii)	227.674.900.000	(*)	-	47.380.000.000		
- Đầu tư vào Công ty liên kết	39.000.000.000	(*)	(396.536.382)	39.000.000.000	(*)	
+ Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam - tỷ lệ sở hữu 39%	39.000.000.000	(*)	(396.536.382)	39.000.000.000	(*)	(396.536.382)
Cộng	292.674.900.000	(*)	(396.536.382)	112.380.000.000	(*)	

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 10/2018/DTĐ/NQ-HĐQT ngày 12/03/2018, Công ty thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Phát triển và Thương mại Thành Đạt là công ty con có vốn điều lệ là 26.000.000.000 VND, tỷ lệ vốn góp của Công ty là 100% vốn điều lệ.

(ii) Ngày 27/12/2018, Công ty đã thực hiện mua đầu giá thành công 1.957.000 cổ phần tương ứng 19% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III. Đến ngày 17/01/2019, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III tăng lên là 65% theo giấy chứng nhận cổ phần, đồng nghĩa với việc Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III trở thành công ty con của công ty tại thời điểm đó. Trong năm 2019 Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt góp vốn 130 tỷ vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của công ty con trong kỳ:

- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Thương mại Thành Đạt hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: kinh doanh dịch vụ bến xe.
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cung cấp dịch vụ hạ tầng khu công nghiệp.

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh của công ty liên kết trong kỳ:

- Công ty Cổ phần Tân Cảng - Đồng Văn Hà Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực: kinh doanh vận tải đường bộ, dịch vụ hải quan, cước tàu nội địa, cước tàu quốc tế...

Các giao dịch của yếu tố của Công ty với các công ty con trong kỳ:

Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn III.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý 2 năm 2019

Mẫu số B 09a-DN

5.11 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.138.050.205	50.657.941.765	36.651.434.094	762.321.818	4.123.733.214	94.333.481.096
Tăng trong năm	38.337.608.515	1.750.867.000				40.088.475.515
- Mua trong năm		1.750.867.000				1.750.867.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	38.337.608.515					38.337.608.515
- Tăng khác						
Giảm trong năm		(3.158.909.091)				(3.158.909.091)
- Thanh lý, nhượng bán		(3.158.909.091)				(3.158.909.091)
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	40.475.658.720	49.249.899.674	36.651.434.094	762.321.818	4.123.733.214	131.263.047.520
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	991.978.258	24.348.860.765	20.394.684.447	584.928.728	4.123.733.214	50.444.185.412
Tăng trong năm	377.265.213	3.498.843.195	2.387.512.560	76.232.182		6.339.853.150
- Số khấu hao trong năm	377.265.213	3.498.843.195	2.387.512.560	76.232.182		6.339.853.150
- Tăng khác						
Giảm trong năm		(2.895.666.652)				(2.895.666.652)
- Thanh lý, nhượng bán		(2.895.666.652)				(2.895.666.652)
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	1.369.243.471	24.952.037.308	22.782.197.007	661.160.910	4.123.733.214	53.888.371.910
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	1.146.071.947	26.309.081.000	16.256.749.647	177.393.090		43.889.295.684
2. Tại ngày cuối năm	39.106.415.249	24.297.862.366	13.869.237.087	101.160.908		77.374.675.610

- Giá trị còn lại của Tài sản thế chấp cầm cố:

2.158.145.455 VND

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết, đang sử dụng:

7.438.953.393 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phú Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Quý 2 năm 2019

5.12 Vay và nợ thuê tài chính

Mẫu số B 09a-DN

Đơn vị tính: VND

	30/06/2019		01/01/2019			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	84.287.300.000	84.287.300.000	110.788.000.000	27.250.700.000	750.000.000	750.000.000
Vay ngân hàng VND	748.300.000	748.300.000	749.000.000	750.700.000	750.000.000	750.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Thanh Liêm	748.300.000	748.300.000	749.000.000	750.700.000	750.000.000	750.000.000
Vay cá nhân	83.539.000.000	83.539.000.000	110.039.000.000	26.500.000.000	-	-
- Vũ Đức Quý	28.139.000.000	28.139.000.000	28.139.000.000	-	-	-
- Đinh Thị Phương Thảo	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
- Dương Thị Thu Hiền	5.000.000.000	5.000.000.000	25.000.000.000	20.000.000.000	-	-
- Nguyễn Mạnh Thắng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Ngọc Thủy	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Nga	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	-	-	-
- Vũ Quốc Khánh	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-	-
- Vũ Quỳnh Trang	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	-	-	-
- Dương Thị Thanh Xuân	3.400.000.000	3.400.000.000	3.400.000.000	-	-	-
- Trần Thị Hương	500.000.000	500.000.000	500.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Thương mại Thành Đạt	7.500.000.000	7.500.000.000	14.000.000.000	6.500.000.000	-	-
- Công ty CP TM XD Trí Dũng	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	749.000.000	749.000.000	749.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Thanh Liêm	-	-	-	749.000.000	749.000.000	749.000.000
Cộng	84.287.300.000	84.287.300.000	110.788.000.000	27.999.700.000	1.499.000.000	1.499.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Quý 2 năm 2019

Đơn vị tính: VND

5.13 Phải trả người bán

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	50.375.524.792	50.375.524.792	65.852.761.568	65.852.761.568
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên	5.969.011.630	5.969.011.630	10.469.011.630	10.469.011.630
- Công ty TNHH Xây dựng Giao thông Long Nguyệt	5.969.011.630	5.969.011.630	10.469.011.630	10.469.011.630
Các khoản phải trả người bán khác	44.406.513.162	44.406.513.162	55.383.749.938	55.383.749.938
Cộng	50.375.524.792	50.375.524.792	65.852.761.568	65.852.761.568
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				

5.14 Người mua trả tiền trước

	30/06/2019	01/01/2019
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
- Cơ sở II Bệnh viện Bạch Mai - HTKT	70.082.334.800	70.082.334.800
- Cơ sở II Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức - HTKT	64.679.533.600	64.679.533.600
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III	12.200.000.000	31.183.891.510
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	37.671.080.609	30.620.396.994
Cộng	184.632.949.009	196.566.156.904
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Hạ tầng KCN Đồng Văn III	12.200.000.000	31.183.891.510

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a) Phải nộp	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	30/06/2019
- Thuế GTGT	1.284.898.138	10.363.373.288	10.612.379.553	1.035.891.873
- Thuế TNDN	8.444.145.751	2.617.993.798	200.000.000	10.862.139.549
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	24.043.131	1.322.871.190	842.152.098	504.762.223
- Thuế Tài nguyên	-	2.669.018.840	2.189.018.840	480.000.000
Cộng	9.753.087.020	16.973.257.116	13.843.550.491	12.882.793.645
b) Phải thu				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.16 Chi phí phải trả

	30/06/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	42.461.125.600	38.160.000.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	-	160.000.000
- Chi phí thi công phải trả	42.461.125.600	38.000.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	42.461.125.600	38.160.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Quý 2 năm 2019

Đơn vị tính: VND

5.17 Các khoản phải trả khác**a) Ngắn hạn**

- Cổ tức, lợi nhuận phải trả
- Các khoản phải trả khác

Cộng**b) Dài hạn**

Phải trả dài hạn khác

- Công ty Cổ phần Cát Đại Lợi (*)
- Công ty TNHH Đồng Phát (*)

Cộng

(*) Nhận tiền đầu tư hợp tác kinh doanh tại Chi nhánh Duy Tiên.

	30/06/2019	01/01/2019
	3.356.319.000	3.356.319.000
	-	-
Cộng	3.356.319.000	3.356.319.000
	2.191.500.000	2.191.500.000
	730.500.000	730.500.000
Cộng	2.922.000.000	2.922.000.000

5.18 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000		32.532.138.143	232.532.138.143
Tăng vốn trong năm trước	20.000.000.000			20.000.000.000
Lãi trong năm trước			27.931.653.217	27.931.653.217
Tăng khác				-
Giảm vốn trong năm trước				-
Phân phối lợi nhuận			(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	220.000.000.000	-	40.463.791.360	260.463.791.360
Tăng vốn trong kỳ (*)				-
Lãi trong kỳ			12.871.903.285	12.871.903.285
Tăng khác				-
Giảm vốn trong kỳ				-
Phân phối lợi nhuận (*)				-
Lỗ trong kỳ				-
Giảm khác				-
Số dư cuối kỳ này	220.000.000.000	-	53.335.694.645	273.335.694.645

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của các đối tượng khác

- Ông Nguyễn Huy Cường
- Bà Nguyễn Thanh Tâm
- Các đối tượng khác

Cộng

	Tỷ lệ sở hữu	30/06/2019	01/01/2019
	22,73%	50.000.000.000	50.000.000.000
	5,00%	11.000.000.000	11.000.000.000
	72,27%	159.000.000.000	159.000.000.000
Cộng	100%	220.000.000.000	220.000.000.000

b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp đầu năm
- Vốn góp tăng trong năm
- Vốn góp giảm trong năm
- Vốn góp cuối năm
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

	Kỳ này	Kỳ trước
	220.000.000.000	220.000.000.000
	-	-
	-	-
	220.000.000.000	220.000.000.000
	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Quý 2 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Cổ phiếu	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	22.000.000	22.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	22.000.000	22.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	22.000.000	22.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	22.000.000	22.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	22.000.000	22.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán bê tông	8.081.291.407	2.754.974.226
- Doanh thu xây lắp	26.788.964.545	109.716.296.637
- Doanh thu bán đất khu nhà ở Khê Lôi	-	55.936.517.212
- Doanh thu khách sạn	1.206.540.910	
- Doanh thu bán cát	28.517.181.000	
- Doanh thu cho thuê máy	3.642.900.000	
- Doanh thu khác	2.988.360.909	3.794.012.600
Cộng	71.225.238.771	172.201.800.675
6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu	Kỳ này	Kỳ trước
Giảm giá hàng bán	-	-
Cộng	-	-
6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	59.662.964.757	150.083.767.611
Cộng	59.662.964.757	150.083.767.611
6.4 Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, cho vay	1.549.567.745	397.486.627
Lãi từ các khoản đầu tư	2.483.891.510	-
Cộng	4.033.459.255	397.486.627
6.5 Chi phí tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	61.067.000	264.766.556
Cộng	61.067.000	264.766.556

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THÀNH ĐẠT

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a-DN

Quý 2 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	Kỳ trước
6.6 Thu nhập khác		
Thu nhập khác từ thanh lý tài sản	645.848.470	95.848.594
Cộng	645.848.470	95.848.594
6.7 Chi phí khác		
Các khoản chi phí khác	-	-
Cộng	-	-
6.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	2.024.455.427	3.627.276.288
Chi phí khấu hao tài sản cố định	338.044.287	1.848.347.061
Chi phí nhân công	1.686.411.140	1.778.929.227
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.564.287.846	4.222.936.147
Cộng	3.588.743.273	7.850.212.435
6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.591.771.467	14.496.389.294
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	33.963.417	-
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	33.963.417	-
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	2.483.891.510	-
+ <i>Lãi cổ tức được chia trong năm</i>	2.483.891.510	-
Thu nhập chịu thuế	10.141.843.374	14.496.389.294
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.028.368.675	2.899.277.859

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và Báo cáo tài chính Quý II năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thành Đạt.

8.2 Thông tin về hoạt động liên tục

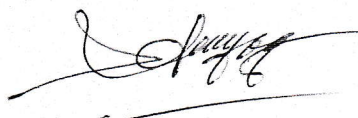
Báo cáo tài chính riêng này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.3 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Hà Nam, ngày 30 tháng 07 năm 2019

CHỤT TÍCH HĐQT

Đinh Thị Phương Thảo

Nguyễn Mạnh Tuyên

Nguyễn Huy Cường